

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---

- 1. Đinh Văn Sơn, Phan Thế Công và Lê Thị Dung** - Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023: Thực trạng và triển vọng. *Mã số: 189.1Deco.12* 3  
*Vietnam's Economy in the Period 2018 - 2023: Current Status and Prospects*
- 2. Nguyễn Hồng Thu và Đào Quyết Thắng** - Phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Bình Dương - hướng đến thúc đẩy tăng trưởng bao trùm trong các doanh nghiệp. *Mã số: 189.1Deco.11* 22  
*Developing Small and Medium Enterprises in Binh Duong - Towards Promoting Inclusive Growth in Businesses*
- 3. Chu Thị Thu Thủy** - Ảnh hưởng của linh hoạt tài chính đến giá trị các công ty cổ phần phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. *Mã số: 189.1FiBa.11* 33  
*The Impact of Financial Flexibility on Company Value of Non-Financial Jont-Stock Companies Listed on Vietnam's Stock Market*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

---

- 4. Dương Thị Hồng Nhung, Phạm Hùng Cường và Đặng Kiên Bình** - Sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của chuỗi cửa hàng tiện lợi tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Mã số: 189.2BMkt.21* 48  
*Customer Satisfaction With Service Quality of Convenience Store Chain in Ho Chi Minh City*

- 5. Trần Xuân Quỳnh và Vương Ngọc Duy** - Phân tích ảnh hưởng của trải nghiệm dịch vụ xe đạp công cộng lên thái độ, truyền miệng điện tử và dự định tiếp tục sử dụng: nghiên cứu tại thành phố Đà Nẵng. *Mã số: 189.2TrEM.21* 63

*Analysis of the Influence of Public Bicycle Service Experience on Attitude, E-Wom, and Continued Usage Intention: the Case of Danang City*

- 6. Nguyễn Quỳnh Trang và Nguyễn Thị Thanh Phương** - Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ huy động tiền gửi không kỳ hạn của các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết tại Việt Nam. *Mã số: 189.2BAcc.21* 75

*Factors Affecting the Current Accounting Savings Account of Listed Joint Stock Commercial Banks in Vietnam*

- 7. Nguyễn Thành Hưng** - Ảnh hưởng của động cơ vay, nhận thức về lợi ích và rủi ro đối với ý định sử dụng dịch vụ cho vay ngang hàng của sinh viên đại học tại Việt Nam. *Mã số: 189.2FiBa.21* 91

*The Impacts of Motivation, Perceived Benefits and Perceived Risks of P2p Lending on Vietnamese University Students' Intention*

## **Ý KIẾN TRAO ĐỔI**

---

- 8. Phạm Vũ Luận, Hoàng Cao Cường và Chử Bá Quyết** - Nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố tới ý định chuyển đổi số của các doanh nghiệp xuất bản tại Việt Nam. *Mã số: 189.3GEMg.31* 103

*Research on Factors Influencing the Digital Transformation Intentions of Publishing Enterprises in Vietnam*

# Ý KIẾN TRAO ĐỔI

## NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ TỚI Ý ĐỊNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT BẢN TẠI VIỆT NAM

**Phạm Vũ Luận \***

Email: pvluan@moet.edu.vn

**Hoàng Cao Cường \***

Email: cuonghc@tmu.edu.vn

**Chữ Bá Quyết \***

Email: quyetcb@tmu.edu.vn

\* Trường Đại học Thương mại

Ngày nhận: 20/03/2024

Ngày nhận lại: 14/04/2024

Ngày duyệt đăng: 18/04/2024

Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến ý định chuyển đổi số (CĐS) của các doanh nghiệp xuất bản tại Việt Nam. Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến ý định CĐS được phát triển gồm ba nhóm nhân tố: nhận thức hữu ích CĐS, nhận thức rủi ro CĐS và năng lực CĐS của đơn vị xuất bản. Qua điều tra 397 phiếu trả lời và sử dụng SPSS 22 để kiểm tra độ tin cậy thang đo các biến số cấu thành ba nhóm nhân tố ảnh hưởng đến ý định CĐS của các doanh nghiệp xuất bản, nghiên cứu đã xác định được nhân tố năng lực CĐS và nhận thức hữu ích CĐS có ảnh hưởng tích cực đến ý định CĐS, trong khi nhận thức rủi ro CĐS có tác động tiêu cực đến ý định CĐS. Nghiên cứu này giúp các doanh nghiệp xuất bản và các bên liên quan trong hoạt động xuất bản có sự chuẩn bị sẵn sàng cho CĐS. Ngoài ra, nghiên cứu có giá trị hữu ích đối với các cơ quan nhà nước trong xây dựng và thuận lợi hóa tiến trình CĐS trong hoạt động xuất bản hiện nay tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Chuyên đổi số, ý định chuyển đổi số, doanh nghiệp xuất bản.

**JEL Classifications:** A19.

**DOI:** 10.54404/JTS.2024.189V.08

### 1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số (CĐS) mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, cắt giảm chi phí sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp gia tăng năng suất lao động và tiếp cận được nhiều khách hàng hơn. Nghiên cứu của Microsoft (Averstad, 2017) chỉ ra các tác động của CĐS tới tăng trưởng năng suất lao động vào khoảng 10% đến 15%/năm. CĐS được định nghĩa là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của doanh nghiệp về cách thức sản xuất dựa trên các công nghệ số, đó là sự tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của tổ chức để thay đổi cách vận hành và mang lại nhiều giá trị hơn cho khách hàng (Bounfour, 2016).

Nhận thức xu hướng và vai trò của CĐS, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ban hành “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Thủ tướng chính phủ Việt Nam, 2020) nhằm xác định các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy CĐS, xây dựng môi trường số trong mười năm từ 2021 đến 2030.

Xuất bản không chỉ là một trong những lĩnh vực hoạt động văn hóa, tư tưởng, tuyên truyền, giáo dục, mở mang tri thức mà còn đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, đóng góp vào GDP của mỗi nước. Cũng chịu ảnh hưởng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tác động của công nghệ số, và để phù hợp với bối cảnh kinh doanh

mới (Hracs, 2012), ngành xuất bản trên thế giới đã thay đổi theo xu hướng CDS từ hàng chục năm gần đây để đáp ứng nhu cầu khách hàng.

CDS trong hoạt động xuất bản tại Việt Nam đã được đưa vào Nghị quyết đại hội XIII năm 2021 của Đảng Cộng Sản Việt Nam (Nguyễn Nguyên, 2023). Những nghiên cứu về CDS trong ngành xuất bản như (Ngô Thị Mỹ Hạnh, 2022), (Trần Chí Đạt, 2021) đã khái quát được hiện trạng ứng dụng công nghệ số của một số nhà xuất bản và làm rõ thực trạng số hóa tại một số nhà xuất bản (Ngô Thị Mỹ Hạnh, 2022), hoặc đề cập chủ yếu đến khía cạnh xây dựng nguồn nhân lực cho ngành xuất bản điện tử (Nguyễn Việt Hà, 2020), tìm kiếm giải pháp CDS cho nhà xuất bản (Trần Chí Đạt, 2021). Các nghiên cứu này cũng chỉ ra những khó khăn CDS của các nhà xuất bản. Tuy nhiên, hạn chế các nghiên cứu trên là chưa lượng hóa được những nhân tố ảnh hưởng tới ý định CDS của các nhà xuất bản. Vì vậy, trong bài báo này, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định CDS của các doanh nghiệp xuất bản, tập trung điều tra các nhà xuất bản tại Việt Nam.

### 2. Cơ sở lý thuyết của vấn đề nghiên cứu

#### 2.1. Chuyển đổi số trong xuất bản

Xuất bản là việc tổ chức, khai thác bản thảo, biên tập thành bản mẫu để in và phát hành hoặc để phát hành trực tiếp qua các phương tiện điện tử. Theo Luật xuất bản Việt Nam (Quốc Hội Việt Nam, 2012), ngành xuất bản bao gồm ba lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm trong đó xuất bản phẩm bao gồm: i) Sách, kể cả sách cho người khiếm thị, sách điện tử; ii) Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích; tờ rời, tờ gấp; iii) Lịch các loại; iv) Băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách. Theo Tổ chức sở hữu trí tuệ WIPO (Bammel, 2017), xuất bản đề cập đến các hoạt động, quy trình và tác nhân liên quan đến việc sản xuất và phân phối sách, sách điện tử và các tài liệu dựa trên văn bản khác.

Quá trình chuyển đổi số hoạt động xuất bản đã trải qua các giai đoạn, từ số hóa dữ liệu đến số hóa các quy trình trong hoạt động xuất bản và giai đoạn chuyển đổi số. CDS là mức cao hơn của số hóa quy trình (Bounfour, 2016), đó là sự tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của tổ chức để thay đổi cách vận hành và mang lại nhiều giá trị hơn cho khách hàng của tổ chức. Theo (Daidj, 2022), CDS là thay đổi mô hình kinh doanh và cung cấp các cơ hội tạo ra giá trị và doanh thu mới, đó là quá trình chuyển sang kinh doanh kỹ thuật số bằng việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số. Theo (Rivas-García, 2020), số hóa ngành xuất bản được đo lường trên bốn kết quả chính: i) số lượng đầu sách điện tử (ebook), ii) doanh thu từ ebook, iii) xuất bản theo nhu cầu (POD), và iv) mô hình kinh doanh mới trong ngành công nghiệp xuất bản. Việc phát hành ebook là kết quả của quá trình số hóa hoạt động xuất bản nhưng không được hiểu là CDS. CDS ngành xuất bản là tất cả mọi người trong cơ quan xuất bản phải có tư duy số, kỹ năng số và cách làm số (Ái Vân, 2024), là chuyển đổi mô hình tổ chức, vận hành, chuyển đổi môi trường và công cụ làm việc để viên chức, người lao động của nhà xuất bản có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của họ; chuyển đổi cách thức phục vụ độc giả, nhà xuất bản cung cấp dịch vụ 24/7; cách thức hợp tác với các đối tác, tác giả, cộng tác viên để độc giả, đối tác, tác giả, cộng tác viên tham gia nhiều hơn vào hoạt động xuất bản, phát hành để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng (Ngô Thị Mỹ Hạnh, 2022). Như vậy, CDS trong hoạt động xuất bản không chỉ đơn thuần là tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động xuất bản (Trần Chí Đạt, 2019), hoặc ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, công nghệ số trong các hoạt động xuất bản (Nguyễn Nguyên, 2023) mà là sự CDS toàn diện diễn ra giữa tất cả mọi người trong cơ quan xuất bản, các nhà phân phối xuất bản phẩm và khách hàng, độc giả xuất bản phẩm (Bộ Thông Tin và Truyền Thông, 2021).

### **2.2. Ý định chuyển đổi số**

Ý định là dấu hiệu cho thấy một cá nhân thực hiện một hành động và là tiền đề của hành động đó. Trong nghiên cứu về Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991), ý định được hiểu là xác suất cảm nhận của một người thực hiện một hành động cụ thể. Lý thuyết TPB được sử dụng để giải thích hành vi nảy sinh từ ý định, được quyết định bởi ba yếu tố cốt lõi là thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi. TPB đã được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu hành vi có dự định, ví dụ, ý định mua sắm trực tuyến (Đoàn Thị Thanh Thu & Đàm Trí Cường, 2021), ý định sử dụng thanh toán trực tuyến (Phạm Thị Ngọc Anh, 2023), ý định CDS của các doanh nghiệp ngành y tế (Chathura Jayawardena, 2023) và nhiều nghiên cứu khác.

### **2.3. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi số của các nhà xuất bản**

**Nhận thức hữu ích (PU):** PU được sử dụng đo lường nhận thức người dùng trong sử dụng công nghệ mới, là mức độ nhận thức của người sử dụng công nghệ mới để nâng cao hiệu quả công việc. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm về ứng dụng công nghệ mới trong vài thập kỷ qua đã chỉ ra rằng PU có tác động tích cực đến ý định của người dùng (Đoàn Thị Thanh Thu & Đàm Trí Cường, 2021), (Chathura Jayawardena, 2023), (Phạm Thị Ngọc Anh, 2023). PU được lựa chọn là một nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng CDS trong doanh nghiệp và có tác động tích cực đến ý định CDS của doanh nghiệp (Nguyen Thi Hong Nga, 2021), ảnh hưởng tích cực đến ý định CDS của doanh nghiệp ngành dệt may (Su, 2022). *Giả thuyết H1: PU có mối quan hệ cùng chiều tới ý định chuyển đổi số của doanh nghiệp xuất bản.*

**Nhận thức rủi ro (PR):** PR đề cập đến rủi ro mà người dùng nhận thức được khi họ tiến hành CDS. Mức độ nhận thức rủi ro là yếu tố ảnh hưởng đến việc doanh nghiệp áp dụng CDS. Nhận

thức rủi ro của việc áp dụng công nghệ cho kết quả là nhân tố này ảnh hưởng tiêu cực đến việc người cao tuổi áp dụng các công nghệ tự phục vụ (Hyun-Joo Lee, 2019). Trong nghiên cứu của (Su, 2022), PR có ảnh hưởng tiêu cực đến ý định CDS của doanh nghiệp ngành dệt may và trong nghiên cứu của (Nguyen Thi Hong Nga, 2021), PR có tác động tiêu cực đến ý định CDS của các doanh nghiệp Việt Nam. *Giả thuyết H2: PR có mối quan hệ ngược chiều với ý định chuyển đổi số của doanh nghiệp xuất bản.*

**Năng lực chuyển đổi số (DTC):** Trong nghiên cứu của (Nguyễn Thị Mai Hương & Bùi Thị Sen, 2021) đã kết luận ý định thực hiện CDS của doanh nghiệp phụ thuộc vào bốn yếu tố: Mục tiêu/chiến lược CDS của doanh nghiệp; cơ sở hạ tầng công nghệ; năng lực tài chính của doanh nghiệp; trình độ sử dụng công nghệ. Theo nghiên cứu của (Tran Tu Luc, 2023) đã xác định được các nhân tố: Nguồn lực doanh nghiệp; công nghệ; văn hóa kinh doanh; hạ tầng kỹ thuật số; chính sách chính phủ và chính sách doanh nghiệp có ảnh hưởng đến khả năng CDS của doanh nghiệp. Trong nghiên cứu này, nhân tố năng lực CDS là sự kết hợp nhóm các yếu tố ảnh hưởng trong nghiên cứu của (Nguyễn Thị Mai Hương & Bùi Thị Sen, 2021) và (Tran Tu Luc, 2023). Tuy nhiên, trong nghiên cứu của (Nguyễn Thị Mai Hương & Bùi Thị Sen, 2021), mối quan hệ nhân tố văn hóa doanh nghiệp và ý định CDS không có ý nghĩa, còn trong nghiên cứu của (Tran Tu Luc, 2023), nhân tố này có mức độ ảnh hưởng rất nhỏ và thấp nhất trong các nhân tố. Nghiên cứu này có sự điều chỉnh các yếu tố thành phần thuộc yếu tố năng lực CDS để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu về ý định chuyển đổi số của doanh nghiệp xuất bản. *Giả thuyết H3: DTC có mối quan hệ tích cực với ý định CDS của doanh nghiệp xuất bản.*

Tổng hợp từ ba giả thuyết trên về các nhân tố ảnh hưởng đến ý định CDS của các doanh nghiệp

# Ý KIẾN TRAO ĐỔI

xuất bản, mô hình nghiên cứu được đề xuất như sau (xem Hình 1).

## 2.4. Phát triển các chỉ số thành phần đo lường ảnh hưởng ý định chuyển đổi số của doanh nghiệp xuất bản

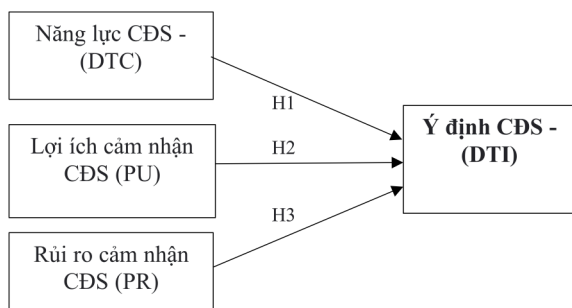
Để đo lường mức độ ảnh hưởng của ba biến độc lập tới ý định CDS của các doanh nghiệp xuất bản, các chỉ số thành phần được phát triển. Thang đo các chỉ số thành phần được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu trước và được điều

chỉnh phù hợp với bối cảnh các tổ chức xuất bản chuyên đổi số (bảng 1).

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Chọn mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu này điều tra chủ yếu các nhà xuất bản tại Việt Nam. Tính đến giữa năm 2019, Việt Nam có 63 nhà xuất bản, trong đó có 43 nhà xuất bản Trung Ương và 20 nhà xuất bản địa phương (Cục xuất bản in và phát hành, 2019). Tính đến cuối năm 2022, 23 nhà xuất bản được cấp phép



(Nguồn: Tác giả đề xuất)

**Hình 1:** Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến ý định CDS của doanh nghiệp xuất bản

**Bảng 1:** Các chỉ số thành phần cấu thành biến độc lập và biến phụ thuộc

Nhân tố	Các chỉ số cấu thành	Nguồn tham khảo
PU	Ứng dụng CDS giúp doanh nghiệp (DN) thực hiện công việc nhanh hơn	(Su, 2022), (Tran Tu Luc, 2023), (Nguyen Thi Hong Nga, 2021)
	Ứng dụng CDS giúp DN cải tiến hiệu suất công việc	
	Ứng dụng CDS giúp DN nâng cao năng suất lao động	
	Ứng dụng CDS giúp DN thực hiện công việc dễ hơn	
	Ứng dụng CDS giúp DN tiết kiệm thời gian	
	Ứng dụng CDS giúp DN mở rộng thị trường	
PR	Rủi ro về quản trị quy trình CDS của DN xuất bản	(Su, 2022), (Nguyen Thi Hong Nga, 2021),
	Rủi ro về kiểm soát xuất bản phẩm của DN	
	Rủi ro về chi phí đầu tư và nguồn thu từ CDS của DN	
	Rủi ro về sử dụng công nghệ số của DN xuất bản	
	Rủi ro về an toàn thông tin hệ thống xuất bản	
DTC	Mục tiêu/chiến lược CDS của doanh nghiệp rõ ràng	(Nguyễn Thị Mai Hương & Bùi Thị Sen, 2021), (Tran Tu Luc, 2023)
	Hạ tầng công nghệ CDS của DN đáp ứng	
	Năng lực tài chính CDS của DN sẵn sàng	
	Trình độ sử dụng công nghệ CDS của nhân viên và cán bộ DN đáp ứng	
	Chính sách chính phủ hỗ trợ CDS cho DN đáp ứng	
DTI	DN luôn xác định sẽ tiến hành CDS	(Nguyễn Thị Mai Hương & Bùi Thị Sen, 2021), (Nguyen Thi Hong Nga, 2021)
	DN sẽ cố gắng thực hiện CDS	
	DN đã xây dựng kế hoạch CDS	

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

hoạt động xuất bản điện tử, chiếm trên 33% số nhà xuất bản tích cực tham gia CDS (Nguyễn Nguyễn, 2023). Mặc dù số lượng nhà xuất bản được cấp phép phát hành sách điện tử và xuất bản sách điện tử tăng trong hai năm 2021 và 2022, nhưng phần lớn các nhà xuất bản mới tập trung CDS trong hoạt động phát hành (Nguyễn Nguyễn, 2023). Để thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả lựa chọn đối tượng được điều tra là nhân viên và cán bộ đang làm việc tại các nhà in, nhà xuất bản, đơn vị phát hành sách tại Việt Nam. Phiếu điều tra được gửi trực tuyến cho cán bộ và nhân viên các doanh nghiệp này. Cuộc khảo sát được thực hiện bằng cách sử dụng bảng câu hỏi trực tuyến để thu thập dữ liệu. Tổng cộng có 432 phiếu trả lời thu được có 397 phiếu hợp lệ là những phiếu trả lời đầy đủ thông tin yêu cầu. Dựa trên công thức yêu cầu cỡ mẫu (Nguyễn Đình Thọ, 2009), mức độ tin cậy thống kê là 95% và khoảng tin cậy là 5%, cỡ mẫu đáp ứng yêu cầu là 384 đảm bảo tính đại diện. Trong phân tích dữ liệu có sử dụng phân tích EFA, theo (Nguyễn Đình Thọ, 2009), cỡ mẫu tối

thiểu phải gấp năm lần tổng số biến thành phần. Trong phiếu điều tra có 19 biến quan sát nên cỡ mẫu cần vượt quá 95 ( $19 \times 5 = 95$ ). Với 397 phiếu hợp lệ đã đáp ứng yêu cầu cỡ mẫu thống kê. Tổng hợp về dữ liệu thu được qua điều tra khảo sát tiến hành từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2023 cho thấy, trong 397 phiếu có 46/63 nhà xuất bản đã tham gia trả lời chiếm 73% số nhà xuất bản; phân loại nhà xuất bản đã được cấp phép phát hành ebook và xuất bản ebook, có 14/32 nhà xuất bản được cấp phép phát hành, chiếm 61% trong số 23 nhà xuất bản được cấp phép và chiếm 30,4% số nhà xuất bản tham gia trả lời. Theo phân cấp quản lý, những người tham gia trả lời phiếu là cán bộ đang giữ chức vụ quản lý (từ cấp bộ phận, phòng, ban) là 135 người chiếm 34,0%, còn 262 người trả lời phiếu chiếm 66,0% là nhân viên (người không có phụ cấp quản lý). Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm (từ 1 = hoàn toàn không đồng ý đến 5 = hoàn toàn đồng ý) sử dụng cho 19 biến quan sát. Kết quả điều tra về ý định CDS của các doanh nghiệp xuất bản được tổng hợp trong Bảng 2.

**Bảng 2:** Thống kê số lượng điểm các chỉ số đo lường ý định CDS của doanh nghiệp xuất bản

Nhân tố		Các chỉ số	% Thang đo 1- 5 điểm				
PU	PU1	Ứng dụng CDS giúp DN thực hiện công việc nhanh hơn	2	8	30	40	20
	PU2	Ứng dụng CDS giúp DN cải tiến hiệu suất công việc	4	10	35	35	16
	PU3	Ứng dụng CDS giúp DN nâng cao năng suất lao động	3	9	28	41	19
	PU4	Ứng dụng CDS giúp DN thực hiện công việc dễ hơn	7	18	32	33	10
	PU5	Ứng dụng CDS giúp DN tiết kiệm thời gian	2	8	20	56	14
	PU8	Ứng dụng CDS giúp DN mở rộng thị trường	6	6	30	30	28
PR	PR1	Rủi ro về quản trị quy trình CDS của DN xuất bản	3	11	35	35	16
	PR2	Rủi ro về kiểm soát xuất bản phẩm của DN	3	9	28	42	18
	PR3	Rủi ro về chi phí đầu tư và nguồn thu từ CDS của DN	7	18	30	35	10
	PR4	Rủi ro về sử dụng công nghệ số của DN xuất bản	2	8	20	58	12
	PR5	Rủi ro về an toàn thông tin hệ thống xuất bản	6	6	33	30	25
DTC	DTC1	Mục tiêu/chiến lược CDS của doanh nghiệp rõ ràng	2	8	30	40	20
	DTC2	Hạ tầng công nghệ CDS của DN đáp ứng	4	10	35	35	16
	DTC3	Năng lực tài chính CDS của DN sẵn sàng	3	9	28	41	19
	DTC4	Trình độ sử dụng công nghệ CDS của nhân viên và cán bộ DN đáp ứng	7	18	32	36	7
	DTC5	Chính sách chính phủ hỗ trợ CDS cho DN đáp ứng	6	5	40	30	19

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

## Ý KIẾN TRAO ĐỔI

### 3.2. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

i) Kiểm định độ tin cậy của thang đo với hệ số Cronbach's Alpha

Kiểm định độ tin cậy của thang đo của tất cả các biến, yêu cầu hệ số Cronbach's Alpha  $\geq 0,6$  và các hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 (Nguyễn Đình Thọ, 2009). Số liệu trong bảng 3, bảng 4, bảng 5 cho thấy tất cả 16 biến quan sát thành phần và 3 biến quan sát tổng PU, PR và DTC đo ý định CDS của doanh nghiệp xuất bản đều đạt độ tin cậy.

ii) Phân tích EFA

Bước tiếp theo là phân tích EFA. Phân tích EFA nhằm phát hiện ra những biến quan sát thành phần tải lên nhiều nhân tố hoặc các biến quan sát bị phân sai nhân tố từ ban đầu. Kết quả phân tích EFA cho thấy, hệ số tải Factor loading của 16 biến quan sát của 3 biến độc lập với từng biến quan sát đều lớn hơn 0,5. Trị số KMO = 0,799 đáp ứng yêu cầu,  $0,5 \leq KMO \leq 1$  trong phân tích EFA. Kiểm định Bartlett có giá trị Sig = 0,000 ( $< 0,05$ ) đáp

**Bảng 3:** Phân tích độ tin cậy của thang đo biến PU

Độ tin cậy		Thống kê tổng số mục			
Cronbach's Alpha	Số biến thành phần	Tỷ lệ trung bình nếu mục bị xóa	Tỷ lệ phương sai nếu mục bị xóa	Đã sửa mục tương quan tổng	Cronbach's Alpha nếu mục bị xóa
.912	6	PU1 16.516	13.351	.699	.904
		PU2 16.479	12.503	.766	.895
		PU3 16.584	12.582	.785	.892
		PU4 16.380	12.852	.694	.907
		PU5 16.353	13.234	.810	.890
		PU6 16.428	13.235	.802	.891

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

Kiểm định độ tin cậy của thang đo của tất cả các biến thành phần của biến Ý định CDS (biến phụ thuộc), kết quả cho thấy 3 biến thành phần và biến tổng đều đáp ứng độ tin cậy (xem Bảng 6).

ứng yêu cầu thì các biến quan sát có tương quan với nhau trong một biến số. Trị số Eigenvalue  $> 1$  thì nhân tố đó mới được giữ lại trong mô hình phân tích. Ma trận xoay cho biết cả 3 biến PU, PR

**Bảng 4:** Phân tích độ tin cậy của thang đo biến PR

Độ tin cậy		Thống kê tổng số mục			
Cronbach's Alpha	Số biến thành phần	Tỷ lệ trung bình nếu mục bị xóa	Tỷ lệ phương sai nếu mục bị xóa	Đã sửa mục tương quan tổng	Cronbach's Alpha nếu mục bị xóa
.794	5	PR1 14.395	4.573	.468	.799
		PR2 14.741	4.107	.640	.734
		PR3 14.725	4.967	.558	.762
		PR4 14.660	5.043	.502	.777
		PR5 14.708	4.662	.799	.702

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)



**Bảng 5:** Phân tích độ tin cậy của thang đo biến DTC

Độ tin cậy		Thông kê tổng số mục				
Cronbach's Alpha	Số biến thành phần		Tỷ lệ trung bình nếu mục bị xóa	Tỷ lệ phương sai nếu mục bị xóa	Đã sửa mục tương quan tổng	Cronbach's Alpha nếu mục bị xóa
.687	5					
		DTC1	13.162	4.379	.516	<b>.603</b>
		DTC2	12.654	4.885	.491	<b>.616</b>
		DTC3	12.518	5.354	.311	<b>.694</b>
		DTC4	12.795	4.614	.685	<b>.539</b>
		DTC5	12.760	5.808	.256	<b>.708</b>

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

**Bảng 6:** Phân tích độ tin cậy của thang đo biến DTI của doanh nghiệp xuất bản

Độ tin cậy		Thông kê tổng số mục				
Cronbach's Alpha	Số biến thành phần		Tỷ lệ trung bình nếu mục bị xóa	Tỷ lệ phương sai nếu mục bị xóa	Đã sửa mục tương quan tổng	Cronbach's Alpha nếu mục bị xóa
.763	3					
		DTI1	6.521	2.361	.569	.709
		DTI2	6.594	2.166	.608	.666
		DTI3	6.763	2.292	.606	.669

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

và DCT đều thỏa mãn điều kiện (xem bảng 7). Tổng phương sai tích lũy đạt phương sai tích lũy đạt 68,026% hàm ý là chỉ riêng 4 nhân tố thành phần được rút ra trong 16 nhân tố thành phần giải thích được 68,026% sự biến thiên của các biến.

Theo (Nguyễn Đình Thọ, 2009), phân tích dữ liệu đa biến có Factor loading  $\geq 0.5$  là biến quan sát đạt chất lượng tốt, tối thiểu là 0.3. Bảng 8 trình bày kết quả ma trận xoay 16 biến quan sát được phân thành 4 cột, trong đó 6 biến thành phần phản ánh PU cùng hội tụ cột 1, 5 biến thành phần phản ánh PR cùng hội tụ cột 2, dù PR3 xuất hiện cả ở cột 1 nhưng giá trị lớn hơn xuất hiện ở cột 2, do đó không có ảnh hưởng đến hội tụ của biến, tương tự biến DTC có xuất hiện ở 2 cột độc lập nhưng không ảnh hưởng đến sự hội tụ. Tất cả 16 biến thành phần đều có trọng số tải Factor Loading  $\geq 0.5$  đều đáp ứng yêu cầu.

Hệ số KMO của biến phụ thuộc là  $0,694 > 0,5$ , kiểm định Bartlett có sig. =  $0,000 (< 0,05)$ , các hệ số tải nhân tố đều  $\geq 0,5$ ; hệ số Eigenvalue là 2,035

$> 1$ , tổng phương sai trích đạt 67,837% cho thấy 67,837% sự biến thiên dữ liệu được giải thích bởi một nhân tố (xem Bảng 9).

### iii) Phân tích tương quan Pearson

Trong các nghiên cứu, có thể người điều tra đã xây dựng lên các nhân tố không khác biệt nhau nhiều về tính chất, ý nghĩa, tạo ra nhiều biến độc lập mới hoặc do người trả lời phiếu khảo sát không hiểu câu hỏi dẫn đến kết quả đo lường không còn ý nghĩa (Shrestha, 2020). Nghiên cứu này đã kế thừa nghiên cứu của (Nguyen Thi Hong Nga, 2021), (Nguyễn Thị Mai Hương & Bùi Thị Sen, 2021), (Rivas-García, 2020), (Tran Tu Luc, 2023) khi phát triển các biến thành phần của biến số PU, PR, DTC và DTI, nhưng có thể vẫn xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Phân tích Pearson nhằm kiểm tra mối tương quan tuyến tính chặt chẽ giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập và phát hiện sớm đa cộng tuyến khi các biến độc lập có tương quan mạnh với nhau. Trong bảng 9, cả ba cặp biến PU, PR, và DTC đều có giá trị

## Ý KIẾN TRAO ĐỔI

**Bảng 7:** Kiểm tra Bartlett và KMO

Đo lường mức độ phù hợp của việc lấy mẫu Kaiser-Meyer-Olkin								.799	
Kiểm tra tính hình cầu của Bartlett	Xấp xỉ. Chi-Square								3248.357
	df								120
	Sig.								.000
<b>Giải thích tổng phương sai</b>									
Biến thành phần	Giá trị ban đầu			Trích xuất tổng bình phương tải			Tổng quay của tải bình phương		
	Tổng	% phương sai	% tích lũy	Tổng	% phương sai	% tích lũy	Tổng	% phương sai	% tích lũy
1	4.910	30.686	30.686	4.910	30.686	30.686	4.361	27.257	27.257
2	2.561	16.004	46.690	2.561	16.004	46.690	2.914	18.215	45.472
3	2.248	14.049	60.739	2.248	14.049	60.739	2.182	13.636	59.108
4	1.166	7.287	68.026	1.166	7.287	68.026	1.427	8.918	68.026
5	.825	5.159	73.185						
6	.760	4.748	77.933						
7	.712	4.451	82.384						
8	.521	3.259	85.643						
9	.428	2.673	88.315						
10	.356	2.222	90.538						
11	.343	2.145	92.683						
12	.309	1.929	94.612						
13	.271	1.694	96.306						
14	.248	1.553	97.859						
15	.204	1.273	99.132						
16	.139	.868	100.000						
Phương pháp chiết xuất: Phân tích thành phần chính									

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

$\text{sig} < 0.05$ . Từ kết quả bảng 10 cho thấy các biến PU, PR, DTC có mối tương quan với biến phụ thuộc DTI. Hệ số Sig của các biến độc lập đều có giá trị  $< 0,05$ , cho thấy chúng có ý nghĩa thống kê. Bước tiếp theo là phân tích hồi quy đa biến.

iv) Phân tích hồi quy

Thực hiện hồi quy mô hình với biến phụ thuộc là DTI và 3 biến độc lập PU, PR và DTC, kết quả hồi quy được trình bày trong Bảng 10. Kết quả cho giá trị R bình phương hiệu chỉnh là 0,575 nghĩa là 3 biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy

phản ánh 57,5% sự biến thiên của biến phụ thuộc.

Kiểm định Anova cho kết quả giá trị Sig là  $0,00 < 0,05$ , do đó mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp (xem bảng 12).

Để đo lường độ mạnh của mối tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình hồi quy, sử dụng hệ số VIF, trong nghiên cứu kinh tế thường có giá trị lớn hơn 1 và nhỏ hơn 2 (Nguyễn Đình Thọ, 2011). Trong bảng 13, cột giá trị VIF đều lớn hơn 1 và nhỏ hơn 2, hàm ý mô hình hồi quy không xảy ra đa cộng tuyến.

**Bảng 8:** Ma trận thành phần xoay

	Nhân tố			
	1	2	3	4
PU6	.867			
PU5	.858			
PU3	.856			
PU2	.852			
PU1	.773			
PU4	.761			
PR5		.881		
PR2		.776		
PR3	.325	.710		
PR4		.699		
PR1		.638		
DTC1			.857	
DTC2			.823	
DTC4			.805	
DTC3				.782
DTC5				.756
Phương pháp chiết xuất: Phân tích thành phần chính. Phương pháp xoay: Varimax với chuẩn hóa Kaiser.				
a. Phép quay hội tụ trong 5 lần lặp.				

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

**Bảng 9:** Kiểm tra Bartlett và KMO

Đo lường mức độ phù hợp của việc lấy mẫu Kaiser-Meyer-Olkin		.694
Kiểm tra tính hình cầu của Bartlett	Xấp xỉ. Chi-Square	296.380
	df	3
	Sig.	.000

**Giải thích tổng phương sai**

	Giá trị ban đầu			Trích xuất tổng bình phương tải		
	Tổng	% phương sai	% tích lũy	Tổng	% phương sai	% tích lũy
1	2.035	67.837	67.837	2.035	67.837	67.837
2	.515	17.182	85.019			
3	.449	14.981	100.000			

Phương pháp chiết xuất: Phân tích thành phần chính.

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

Phương trình hồi quy tuyến tính chưa được chuẩn hóa:

$$DTI = 2,040 + 0,158 * PU - 0,237 * PR + 0,508 * DTC (1^*)$$

Trong phương trình (1\*) Hệ số hồi quy không chuẩn hóa phản ánh sự thay đổi của biến phụ thuộc khi một đơn vị biến độc lập thay đổi và các biến độc lập còn lại được giữ nguyên. Trong điều

**Bảng 10:** Kết quả phân tích tương quan Pearson

		DTI	PU	PR	DTC
DTI	Tương quan Pearson	1	.133**	-.094	.374**
	Sig. (2-tailed)		.008	.006	.000
	N	397	397	397	397
PU	Tương quan Pearson	.133**	1	.255**	.051
	Sig. (2-tailed)	.008		.000	.315
	N	397	397	397	397
PR	Tương quan Pearson	-.094	.255**	1	.105*
	Sig. (2-tailed)	.060	.000		.036
	N	397	397	397	397
DTC	Tương quan Pearson	.374**	.051	.105*	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.315	.036	
	N	397	397	397	397

\*\* . Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01 (2 đuôi).

\* . Tương quan có ý nghĩa ở mức 0,05 (2 đuôi).

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

**Bảng 11:** Tóm tắt mô hình Model Summary<sup>D</sup>

Mô hình	R	R bình phương	R bình phương hiệu chỉnh	Tiêu chuẩn. Lỗi ước tính	Durbin-Watson
1	.726 <sup>a</sup>	.681	.575	.6473624999 83229	1.695

a. Predictors: (Constant), DTC, PU, PR

b. Biến phụ thuộc: DTI

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

kiện các biên khác không thay đổi, khi nhận thức hữu ích PU tăng 1 đơn vị thì ý định CDS tăng 0,158 lần; tương tự khi nhận thức rủi ro PR tăng 1 đơn vị thì ý định CDS giảm đi 0,237 lần.

Phương trình hồi quy tuyến tính được chuẩn hóa:

$$DTI = 0,158 * PU - 0,175 * PR + 0,384 * DTC (1^{**})$$

Nếu dùng hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa trong phương trình 1\*, chúng ta không thể so sánh được

vì đơn vị đo và độ lệch chuẩn của các biên là khác nhau. Vì vậy, chúng ta sẽ cần dùng đến hệ số được chuẩn hóa để đưa tất cả các biến cần so sánh về cùng một hệ quy chiếu. Theo phương trình hồi quy chuẩn hóa (1\*\*) thì nhân tố nhận thức hữu ích PU và năng lực chuyển đổi số DTC tác động cùng chiều tới ý định CDS, nhận thức rủi ro PR tác động ngược chiều tới ý định CDS của doanh nghiệp xuất bản.

**Bảng 12:** Kiểm định ANOVA

Mô hình	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
1 Hồi quy	36.474	3	12.158	29.012	.000 <sup>b</sup>
Dư	164.698	393	.419		
Tổng	201.172	396			

a. Biến phụ thuộc: DTI

b. Predictors: (Constant), DTC, PU, PR

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

**Bảng 13:** Các hệ số hồi quy

Mô hình		Hệ số không chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê cộng tác	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	2.040	.299		6.826	.000		
	PU	.158	.047	.158	3.356	.001	.934	1.070
	PR	-.237	.064	-.175	-3.695	.000	.926	1.079
	DTC	.508	.061	.384	8.370	.000	.988	1.012

a. Dependent Variable: DTI

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

#### 4. Thảo luận và các hàm ý từ kết quả phân tích dữ liệu

##### 4.1. Thảo luận kết quả phân tích dữ liệu

Với hệ số hồi quy tính được, cả ba giả thuyết về mối quan hệ giữa PU, PR và DTC với ý định chuyển đổi số DTI được chấp nhận. Trong ba nhân tố, năng lực chuyển đổi số DTC là nhân tố có hệ số lớn nhất, do đó có vai trò quan trọng nhất tác động tích cực tới ý định CDS của doanh nghiệp xuất bản. Kết quả nghiên cứu này cho thấy tất cả các yếu tố thành phần của DTC là hạ tầng công nghệ, mục tiêu/chiến lược, khả năng tài chính, trình độ sử dụng công nghệ của đội ngũ cán bộ, nhân viên và chính sách chính phủ đều đóng vai trò cốt yếu tới ý định CDS của doanh nghiệp xuất bản. Kết quả nghiên cứu này cũng tương đồng với nghiên cứu của (Nguyễn Thị Mai Hương & Bùi Thị Sen, 2021) khi khẳng định 5 trong 6 yếu tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện CDS của

các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Ở mức ảnh hưởng thấp hơn tới ý định CDS là nhân tố nhận thức hữu ích PU. Đây là nhân tố có tính truyền thống trong hầu hết các nghiên cứu trước đây. Các nghiên cứu của (Babu, 2017), (Hyun-Joo Lee, 2019) (Phạm Thị Ngọc Anh, 2023) (Đoàn Thị Thanh Thu & Đàm Trí Cường, 2021) đều khẳng định PU có tác động tích cực tới quyết định hành động và ý định hành động. Trong các nghiên cứu của (Su, 2022), (Nguyen Thi Hong Nga, 2021) về CDS cũng khẳng định PU có vai trò tích cực đối với quyết định chuyển đổi số. Khác biệt với nghiên cứu của (Su, 2022) cho rằng kiến thức chuyên đổi số, nguồn lực công nghệ và áp lực cạnh tranh ngành dệt may là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức CDS và ảnh hưởng gián tiếp đến ý định chuyển đổi số, nghiên cứu này đã khẳng định nguồn lực có ảnh hưởng trực tiếp đến ý định

chuyển đổi số. Nhân tố nhận thức rủi ro PR có tác động tiêu cực tới ý định chuyển đổi số. Kết quả này phản ánh những khó khăn, thách thức trong tiến hành chuyển đổi số, đó là các rủi ro về quản trị doanh nghiệp số, rủi ro công nghệ, an toàn thông tin và rủi ro từ thị trường. Giá trị tuyệt đối của hệ số nhận thức rủi ro lớn hơn giá trị hệ số nhận thức hữu ích cho thấy, các doanh nghiệp xuất bản có nhiều lo lắng khi ứng dụng công nghệ số vào hoạt động nghề nghiệp của họ. Kết quả nghiên cứu nhân tố PR cũng khá tương đồng với nghiên cứu (Ngô Thị Mỹ Hạnh, 2022) và (Nguyễn Nguyên, 2023). Nghiên cứu của (Su, 2022) và (Nguyễn Thị Hồng Nga, 2021) cũng khẳng định PR tác động tiêu cực đến ý định CDS của doanh nghiệp. Tuy nhiên, khác với nghiên cứu của (Su, 2022) cho rằng các yếu tố kiến thức chuyển đổi số, nguồn lực công nghệ và áp lực cạnh tranh tác động trực tiếp đến nhận thức rủi ro của chuyển đổi số và tác động gián tiếp đến ý định CDS của doanh nghiệp dệt may.

#### 4.2. Các hàm ý từ nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu ý định CDS trong hoạt động xuất bản đưa ra những hàm ý quan trọng đối với các doanh nghiệp xuất bản và các chủ thể hữu quan tại Việt Nam hiện nay. *Thứ nhất*, trong quá trình chuyển đổi số, vai trò của các cơ quan nhà nước là rất quan trọng, bởi nhà nước tạo môi trường vĩ mô cho hoạt động của các doanh nghiệp xuất bản. Yếu tố thành phần chính sách hỗ trợ chính phủ DTC5 trong biến DTC có tác động tích cực và yếu tố thành phần rủi ro về xuất bản phẩm vi phạm bản quyền PR2 trong biến nhận thức rủi ro có tác động tiêu cực tới ý định hành động CDS của các doanh nghiệp xuất bản. Như vậy, nhà nước không chỉ tạo chính sách hỗ trợ mà cần thực hiện kiểm soát và duy trì môi trường xuất bản số và tiêu dùng ấn phẩm số lành mạnh, đảm bảo bảo vệ bản quyền số. *Thứ hai*, đối với các doanh nghiệp xuất bản, cần nâng cao năng lực chuyển đổi số. CDS trong hoạt động xuất bản là một quá

trình liên tục, liên quan đến đầu vào và đầu ra của hoạt động xuất bản, in ấn và tiêu dùng. Các doanh nghiệp xuất bản cần phải xây dựng chiến lược và mục tiêu CDS dài hạn, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nhân viên kiến thức và kỹ năng số. Bên cạnh đó, các nhà xuất bản cần nghiên cứu thay đổi mô hình sản xuất, tìm kiếm các nguồn lực tài chính và giải pháp công nghệ xuất bản. Đây là những yếu tố đặc biệt quan trọng cho sự sẵn sàng CDS. *Thứ ba*, đối với các bên hữu quan khác, nhà in, nhà phân phối, người tiêu dùng/độc giả các ấn phẩm xuất bản cũng cần nhận thức vai trò tham gia của mình vào quá trình CDS, ví dụ người tiêu dùng cần chấp nhận thay đổi văn hóa đọc, từ đọc sách in sang đọc ebook, có ý thức pháp luật về sử dụng sản phẩm hợp pháp, có bản quyền. Vì mỗi chủ thể trong môi trường số luôn có những tác động qua lại với nhau, những tác động tích cực cần được phát huy và giảm thiểu tác động tiêu cực sẽ góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, tác động tích cực đến ý định CDS của các doanh nghiệp xuất bản.

#### 5. Kết luận

Nghiên cứu này đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến ý định CDS của các doanh nghiệp xuất bản tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu phản ánh ý định CDS chịu tác động tích cực từ nhận thức lợi ích của CDS và năng lực CDS của doanh nghiệp xuất bản và tác động tiêu cực từ nhận thức rủi ro trong quá trình chuyển đổi số. Điểm mới của nghiên cứu là xây dựng được mô hình và đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến ý định CDS của doanh nghiệp xuất bản qua điều tra 397 người trả lời tại Việt Nam. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn đưa ra các hàm ý đối với các chủ thể liên quan, đặc biệt các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản, nhà xuất bản và người tiêu dùng các khuyến nghị có ý nghĩa trong thực thi và tiếp tục hoàn thiện để góp phần thúc đẩy CDS trong ngành xuất bản Việt Nam. ◆

***Tài liệu tham khảo:***

- Ái Vân. (2024, 1 12). <https://laodong.vn/thoi-su/chuyen-doi-so-la-doi-hoi-cap-thiet-voi-nganh-xuat-ban-1291890.ldo>. Retrieved from laodong.vn: www.laodong.vn
- Averstad, J. (2017). *Digital transformation report*. Sweden: Microsoft.
- Babu, P. K. (2017). Perceived benefits and constraints analysis of 'VASAT' an 'ICT' initiative in. *Agric. Sci. Digest* 37, 237-240.
- Bammel, J. (2017). *From Paper to Platform: Publishing, Intellectual Property and the Digital Revolution*. Yaoundé: WIPO.
- Bộ Thông Tin và Truyền Thông. (2021). *Cẩm nang chuyển đổi số*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
- Bounfour, A. (2016). *Digital Futures, Digital Transformation: From Lean Production to Acceluction (Progress in IS)*. See Aux France: Springer, edition 1.
- Chathura Jayawardena, Albattat Ahmad, Marco Valeri, Adam Amril Jaharadak. (2023). Technology acceptance antecedents in digital transformation in hospitality industry. *International Journal of Hospitality Management*, 1-10.
- Cục Xuất bản in và phát hành . (2019, 6 25). <https://mic.gov.vn/solieubaocao/Pages/TinTuc/139248/Danh-sach-nha-xuat-ban.html>. Retrieved from mic: <https://mic.gov.vn>
- Daidj, N. (2022). Developing Strategic Business Models and Competitive Advantage in the Digital Sector. In *Publishing Industry: What is the Future of Newspapers, Magazines, and Books?* (pp. 316-337). IGI Global.
- Đoàn Thị Thanh Thư, Đàm Trí Cường. (2021). Nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sắm trực tuyến của sinh viên tại Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. *Hội nghị Khoa học trẻ lần 3 năm 2021* (pp. 175-188). Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Gracs, B. J. (2012). A Creative Industry in Transition: The Rise of Digitally Driven Independent Music Production. *Growth and Change*, 442-461.
- Hyun-Joo Lee, J. L. (2019). Exploring factors which motivate older consumers' self-service technologies (SSTs) adoption. *Int. Rev. Retail Distrib. Consum. Res.* 29, 218-239.
- Lais Santiago da Costaa, I. P. (2022). Assessing the digital maturity of micro and small enterprises: a focus on an emerging market. *3rd International Conference on Industry 4.0 and Smart Manufacturing* (pp. 176-184). Sao Paulo: Elsevier B.V.
- Ngô Thị Mỹ Hạnh. (2022). *Nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản tại nhà xuất bản Thông tin và Truyền Thông*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và Truyền Thông.
- Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang. (2009). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản trị kinh doanh*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thống kê.
- Nguyễn Đình Thọ. (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
- Nguyễn Nguyễn. (2023, 12 14). <https://www.tuyengiao.vn/chuyen-doi-so-trong-hoat-dong-xuat-ban-hien-nay-151703>.
- Nguyen Thi Hong Nga, Vu Dinh Khoa, Nguyen Dac Thanh. (2021). Intention of Vietnamese Enterprises's digital transformation. *Proceedings of the International Conference on Research in Management & Technovation* (pp. 169-174). Hanoi: ACSIS.

Nguyễn Thị Mai Hương, Bùi Thị Sen. (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định thực hiện chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội. *TNU Journal of Science and Technology* số 226 (18), 347-355.

Nguyễn Việt Hà. (2020). Xây dựng nguồn lực xuất bản điện tử ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. *Lý luận Chính trị* số 5, 103-108.

Phạm Thị Ngọc Anh, Đặng Thị Thùy Linh, Đỗ Ngọc Diệp, Trần Hoàng Mai. (2023). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thanh toán trực tuyến trên sàn thương mại điện tử của thể hệ Gen Z trên địa bàn Thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng* số 255, 26-39.

Quốc Hội Việt Nam. (2012). *Luật Xuất bản*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Rivas-García, M. M.-D. (2020). The Digitization in the Spanish Publishing Industry. In T. D. Spanish, *Digital Leadership - A New Leadership Style for the 21st Century* (pp. 1-21). Spanish: IntechOpen.

Shrestha, N. (2020). Detecting Multicollinearity in Regression Analysis. *American Journal of Applied Mathematics and Statistics*, Vol. 8, No. 2, 39-42.

Su, Wan-Yi Tsai and Chaun-Jun. (2022). *Digital transformation of business model innovation*. Kaohsiung: Frontiers.

Thủ tướng chính phủ Việt Nam. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg*. Hà Nội: Chính phủ.

Trần Chí Đạt. (2019). *Nghiên cứu xu thế và ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0 đến hoạt động xuất bản Việt Nam và đề xuất giải pháp thực hiện hoạt động biên tập, in và phát hành của Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông*. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

Trần Chí Đạt. (2021). *Nghiên cứu đề xuất giải pháp xuất bản sách phục vụ mục tiêu CDS đối với lĩnh vực quản lý của ngành thông tin và truyền thông*. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

Tran Tu Luc. (2023). Researching the Factors Influencing the Digital Transformation of Businesses in Quang Binh Province, Vietnam. *Open Journal of Business and Management*, 2402-2415.

### Summary

This study aims to identify the factors and the degree of influence of these factors on the intention to digitally transform (DT) among publishing enterprises in Vietnam. A model of factors influencing DT intention was developed, consisting of three groups of factors: perceived usefulness of DT, perceived risks of DT, and DT capabilities of publishing houses. Through a survey of 397 responses and using SPSS 22 to test the reliability of the measurement scale of variables constituting the three groups of factors influencing the DT intention of publishing enterprises, the study identified that DT capabilities and perceived usefulness of DT have a positive influence on DT intention, while perceived risks of DT have a negative impact on DT intention. This research helps publishing enterprises and stakeholders in publishing activities to be prepared for DT. Additionally, the study provides useful insights for government agencies in constructing and facilitating the DT process in publishing activities in Vietnam.